

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ khoản 3, Điều 18 Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 08/TTr-STTTT ngày 13 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban,

ngành có liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025 và thay thế Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ TT&TT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vp Tỉnh ủy, Vp ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT&TH Đắk Lắk;
- Các Doanh nghiệp viễn thông (*Sở TTTT sao gửi*);
- UBND cấp xã (*UBND cấp huyện sao gửi*);
- TT Công nghệ và Công TTĐT tỉnh (*đăng tải*);
- Lưu: VT, KGVX_(Nh-10b).

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Hà

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng (sau đây gọi tắt là Mạng TSLCD) truy nhập cấp II phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho các ban thuộc Tỉnh ủy; Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương; các huyện ủy, thị ủy, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên cấp tỉnh và cấp huyện; Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng mạng TSLCD truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các doanh nghiệp viễn thông liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ Mạng TSLCD truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng TSLCD là mạng kết nối các cơ quan Đảng, Nhà nước, được tổ chức, quản lý thống nhất, bảo đảm chất lượng, an toàn, bảo mật thông tin để trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Mạng trực là hệ thống mạng trung gian phục vụ chuyên tiếp kết nối

giữa mạng nội bộ, trung tâm dữ liệu và hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ.

3. Mạng truy nhập (gồm mạng truy nhập cấp I và mạng truy nhập cấp II) là hệ thống gồm thiết bị đầu cuối, kênh truyền phục vụ kết nối từ mạng nội bộ, trung tâm dữ liệu và hệ thống thông tin của cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh sử dụng dịch vụ đến mạng trực.

4. Mạng truy nhập cấp I có phạm vi kết nối từ trung ương đến cấp tỉnh và Mạng truy nhập cấp II có phạm vi kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã.

5. Mạng truy nhập cấp II do đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của tỉnh trực tiếp quản lý, vận hành hoặc thuê doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ cho các cơ quan quy định tại khoản 2, Điều 2 Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng TSLCD phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

6. Cổng kết nối là thiết bị mạng, thiết bị bảo mật hoặc thiết bị khác có chức năng tương đương để cung cấp giao diện kết nối giữa trung tâm tỉnh, mạng đô thị và thiết bị đầu cuối của mạng truy nhập.

Điều 4. Danh mục dịch vụ, ứng dụng

1. Dịch vụ Mạng TSLCD truy nhập cấp II tại tỉnh bao gồm:

a) Dịch vụ mạng riêng ảo:

Đơn vị được giao quản lý Mạng TSLCD truy nhập cấp II: Tổng hợp nhu cầu, cung cấp thông tin kỹ thuật cho Cục Bưu điện Trung ương theo mẫu số 01 của Phụ lục I, phối hợp với Cục Bưu điện triển khai, bảo đảm kết nối dịch vụ mạng riêng ảo; Đơn vị sử dụng cung cấp thông tin cho đơn vị được giao quản lý Mạng TSLCD truy nhập cấp II theo mẫu 02 của Phụ lục I của Quy chế này.

b) Dịch vụ hội nghị truyền hình:

Dịch vụ hội nghị truyền hình của Mạng TSLCD truy nhập cấp II tại địa phương là dịch vụ sử dụng kênh truyền Mạng TSLCD truy nhập cấp II và hệ thống điều khiển đa điểm của địa phương để thiết lập kết nối các phiên họp trực tuyến giữa các điểm cầu; đảm bảo kết nối liên thông giữa hệ thống hội nghị truyền hình của Cục Bưu điện Trung ương với các hệ thống hội nghị truyền hình của địa phương; Địa phương đảm bảo kết nối các điểm cầu thuộc đối tượng sử dụng của Mạng TSLCD truy nhập cấp II.

c) Các dịch vụ khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Ứng dụng trên Mạng TSLCD truy nhập cấp II tại tỉnh bao gồm:

a) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

b) Hệ thống thư công vụ của tỉnh.

c) Dịch vụ công trực tuyến.

d) Hệ thống camera trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ các cơ quan Nhà nước giám sát hoạt động, quản lý công tác đảm bảo an ninh, an toàn trật tự xã hội; xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh.

e) Trục kết nối liên thông, nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh Local Government Service Platform (LGSP) phục vụ truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

g) Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác cần an toàn và bảo mật thông tin cao, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

h) Các ứng dụng khác phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Điều 5. Chất lượng

1. Dịch vụ Mạng TSLCD truy nhập cấp II phải đáp ứng các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng phục vụ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Mạng TSLCD truy nhập cấp II phải bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục 24 giờ trong 01 ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.

3. Mạng TSLCD truy nhập cấp II phải được kiểm tra, rà soát, đánh giá thường xuyên, được nâng cấp để bảo đảm chất lượng dịch vụ.

Chương II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KẾT NỐI VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN

Điều 6. Quản lý, vận hành

1. Mạng TSLCD truy nhập cấp II có phạm vi kết nối từ tỉnh đến cấp xã cung cấp dịch vụ cho các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1, Điều 2 Quy chế này.

2. Mạng TSLCD truy nhập cấp II được tổ chức, quản lý như sau:

a) Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị trực tiếp quản lý Mạng TSLCD truy nhập cấp II.

b) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với doanh nghiệp viễn thông triển khai kết nối, vận hành và xử lý sự cố Mạng TSLCD truy nhập cấp II theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Quản lý thiết bị Mạng TSLCD truy nhập cấp II.

Đối với thiết bị của Mạng TSLCD truy nhập cấp II đơn vị sử dụng đảm bảo việc bố trí địa điểm lắp đặt thiết bị đầu cuối Mạng TSLCD truy nhập cấp II đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (nhiệt độ, nguồn điện đảm bảo cho thiết bị hoạt động 24/7), bảo đảm an toàn, an ninh. Đơn vị sử dụng thông báo cho đầu mối hỗ trợ của tỉnh và doanh nghiệp viễn thông khi có yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị.

3. Vận hành

a) Sở Thông tin và Truyền thông vận hành Mạng TSLCD truy nhập cấp II theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Sở Thông tin và Truyền thông phân công đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin làm đầu mối giám sát, xử lý sự cố Mạng TSLCD truy nhập cấp II tiếp nhận cảnh báo từ Cục Bưu điện Trung ương, đơn vị sử dụng dịch vụ hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

c) Các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, Điều 2 Quy chế này thực hiện xử lý sự cố theo quy định, báo cáo cho Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị sử dụng dịch vụ.

Điều 7. Kết nối trong Mạng TSLCD

1. Các thành phần của Mạng TSLCD truy nhập cấp II kết nối với nhau bằng hạ tầng kênh truyền; các cơ quan Đảng, Nhà nước thuộc tỉnh kết nối đến mạng trục bằng cáp quang trực tiếp hoặc kết nối qua hạ tầng của doanh nghiệp.

2. Cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ được quy định tại khoản 1, Điều 2 Quy chế này kết nối với nhau thông qua mạng trục.

3. Mạng TSLCD truy nhập cấp II được kết nối với các mạng viễn thông khác và các hệ thống thông tin để phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước thuộc tỉnh.

4. Mô hình kết nối các cơ quan, tổ chức tại tỉnh với Mạng TSLCD truy nhập cấp II theo quy định tại khoản 4, Điều 7 Thông tư 19/2023/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 25 tháng 12 năm 2023 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg.

Điều 8. Bảo đảm an toàn thông tin

Mạng TSLCD, hệ thống thông tin kết nối Mạng TSLCD được bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg; Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP; Điều 9 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT và các quy định khác của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 9. Giám sát an toàn thông tin mạng và kiểm soát truy nhập

1. Sở Thông tin và Truyền thông quản lý tài khoản giám sát Mạng TSLCD truy nhập cấp II tại tỉnh có trách nhiệm lưu giữ, bảo mật thông tin tài khoản, mật khẩu đăng nhập, định kỳ thay đổi và sử dụng mật khẩu đảm bảo an toàn thông tin.

2. Việc chia sẻ thông tin giám sát an toàn thông tin cho thiết bị tham gia kết nối Mạng TSLCD thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

3. Yêu cầu tối thiểu đối với thiết bị đầu cuối theo quy định tại Phụ lục II Quy chế này.

Điều 10. Đăng ký, sử dụng địa chỉ IP

1. Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp nhu cầu và cung cấp thông tin cho Cục Bưu điện Trung ương theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục I Quy chế này.

2. Các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, Điều 2 Quy chế này đăng ký, sử dụng địa chỉ IP trong Mạng TSLCD truy nhập cấp II theo quy định tại khoản 3, Điều 8 Thông tư 19/2023/TT-BTTTT và theo mẫu 02 Phụ lục I Quy chế này.

Điều 11. Kinh phí bảo đảm hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ của Mạng TSLCD

Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí đầu tư, duy trì hoạt động và kinh phí sử dụng dịch vụ của Mạng TSLCD truy nhập cấp II cho các cơ quan quy định tại khoản 1, Điều 2 Quy chế này theo các quy định hiện hành về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo hoạt động Mạng TSLCD truy nhập cấp II của tỉnh; tiếp nhận tài khoản truy nhập tập trung do Cục Bưu điện Trung ương cung cấp, sử dụng đúng quy định.

2. Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai các nền tảng, hệ thống quản lý tập trung của Cục Bưu điện Trung ương tại các cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh.

3. Tham mưu đề xuất dung lượng băng thông đường truyền của Mạng TSLCD truy nhập cấp II phù hợp với nhu cầu sử dụng của tỉnh; các dịch vụ, ứng

dụng chạy trên Mạng TSLCD truy nhập cấp II.

4. Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông trong công tác triển khai kết nối và xử lý sự cố đối với Mạng TSLCD truy nhập cấp II đảm bảo chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin trên địa bàn tỉnh.

5. Cung cấp, cập nhật các đầu mối quản lý, vận hành, sử dụng và xử lý sự cố Mạng TSLCD cấp II tại tỉnh cho Cục Bưu điện Trung ương để phối hợp quản lý.

6. Sử dụng nguồn kinh phí được cấp đầu tư, nâng cấp, duy trì hoạt động, chi phí thuê hạ tầng, kênh truyền của Mạng TSLCD truy nhập cấp II.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối, bố trí vốn ngân sách để triển khai thiết lập Mạng TSLCD truy nhập cấp II tại cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Kiểm tra, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng thanh quyết toán kinh phí đã giao cho các cơ quan, đơn vị theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ

1. Tổ chức thực hiện các quy định về dịch vụ, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin, chất lượng theo quy định tại Quyết định này và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Bảo đảm hoạt động hạ tầng truyền dẫn phục vụ Mạng TSLCD truy nhập cấp II.

b) Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, chất lượng, an toàn và bảo mật thông tin.

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn thông tin mạng quy định tại Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg và Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

d) Tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp hạ tầng kết nối cho Mạng TSLCD truy nhập cấp II có trách nhiệm xác định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng.

2. Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý sự cố kỹ thuật, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin.

3. Thực hiện báo cáo tình hình sử dụng dịch vụ và ứng dụng Mạng TSLCD truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 12 của Thông tư 19/2023/TT-BTTTT.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ

1. Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, Điều 2 Quy chế này sử dụng dịch vụ trong phạm vi hoạt động của Mạng TSLCD truy nhập cấp II, thực hiện mua sắm trang thiết bị để tham gia vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng theo quy định hiện hành về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước.

2. Kiểm tra bảo đảm an toàn thông tin Trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, mạng nội bộ trước khi kết nối vào Mạng TSLCD truy nhập cấp II và kiểm tra định kỳ theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và quy định của pháp luật liên quan.

3. Bảo đảm hạ tầng lắp đặt thiết bị hoạt động ổn định, liên tục, bảo vệ thiết bị và hạ tầng Mạng TSLCD truy nhập cấp II đặt tại cơ quan, tổ chức.

4. Chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin truyền đưa trên Mạng TSLCD truy nhập cấp II theo đúng quy định của pháp luật.

5. Thực hiện thông báo với Sở Thông tin và Truyền thông khi có thay đổi trong việc sử dụng các dịch vụ của Mạng TSLCD truy nhập cấp II.

6. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trong triển khai, nâng cấp, khắc phục sự cố Mạng TSLCD truy nhập cấp II.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, Điều 2 Quy chế này và các đơn vị liên quan kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện; tổ chức triển khai, hướng dẫn, phân công đơn vị chuyên môn có trách nhiệm quản lý, vận hành Mạng TSLCD truy nhập cấp II, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện tốt Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, Điều 2 Quy chế này và đơn vị liên quan phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản pháp luật mới thì áp dụng thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới./.